

Bản án số: **308/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/06/2021

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Như Hùng**

Ông **Đào Văn Hoan**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký
Toà án nhân dân quận Thanh Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên
tòa: Bà **Đào Thị Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/06/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 253/2021/TLST-HNGD
ngày 13/5/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
211/2021/QĐXX-ST ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1972; Nơi ĐKKHKT: B,
quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Hiện nay trú tại: C, quận Thanh Xuân, thành
phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Ông **Đỗ Đình D**, sinh năm 1962; Nơi ĐKKHKT: B, quận Ba
Đình, thành phố Hà Nội; Hiện nay trú tại: C, quận Thanh Xuân, thành phố Hà
Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn xin ly hôn, các Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra
việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là bà Trần
Thị A trình bày:

Bà và ông Đỗ Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng
ký kết hôn ngày 13/4/1993 tại Ủy ban nhân dân phường E, quận Ba Đình,
thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn, ông bà chưa ai kết hôn lần nào, sau khi

kết hôn, ông bà chung sống tại B, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đến năm 2015, ông bà chuyển đến phường C, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội từ đó đến nay.

Vợ chồng chung sống A phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác biệt, tính tình không phù hợp, không hiểu nhau nên vợ chồng thường nảy sinh những bất đồng, xung đột, cuộc sống rất áp lực, khiến cho cuộc sống luôn căng thẳng mệt mỏi va chạm và có thể gây hại cho nhau, bản thân bà là người nóng tính, bà đã tìm nhiều biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng không thể chung sống với nhau được, đã nhiều lần ông bà va chạm và làm tổn thương nhau. Ông bà chính thức phải sống ly thân từ cuối năm 2020 và bà A nhận thấy không còn khả năng để đoàn tụ với ông D.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên vọng của bà là muốn được ly hôn với ông D để chấm dứt quan hệ hôn nhân không A phúc này, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D để bà sớm ổn định tư tưởng và cuộc sống.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông D có hai con chung là: cháu Đỗ M, sinh ngày 03/10/1993 và cháu Đỗ Thịnh P, sinh ngày 29/11/2004. Cháu Đỗ M đã trưởng thành, có gia đình riêng, có công việc ổn định nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Đỗ Thịnh P, hiện đang học lớp 11, cháu có nguyện vọng được ở với bố. Trường hợp ông bà ly hôn, bà tôn trọng quyết định của con. Nếu cháu P ở với ông D bà tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 12.000.000 đồng/01 tháng. Trường hợp cháu P có nguyện vọng ở với bà, bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Bà xác nhận tự thỏa thuận với ông D nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Bà xác nhận ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2] Tại Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn là ông Đỗ Đình D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận ông và bà Trần Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 13/4/1993 tại Ủy ban nhân dân phường E, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn, ông bà chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại B, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đến năm 2015, ông bà chuyển đến phường C, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội từ đó đến nay.

Quá trình chung sống với nhau rất A phức, sự việc xảy ra mâu thuẫn vào năm 2020 là do bà A không chung thủy, sau đó bà A chuyển đi nơi khác sống, bản thân ông D đã cố gắng hàn gắn nhưng bà A không còn quan tâm đến gia đình. Hiện nay, ông và bà A đang sống ly thân, ông đã trao đổi và bỏ qua cho bà A những mâu thuẫn đó, ông mong muốn giữ cho các con một gia đình trọn vẹn không phải chịu cảnh tan vỡ, mọi chuyện do lỗi của bà A ông sẵn sàng tha thứ. Ông đã nhiều lần trao đổi với bà A nhưng bà A nhất quyết ly hôn. Việc bà A xin ly hôn, ông không đồng ý và mong muốn bà A về đoàn tụ.

Nay bà A có đơn xin ly hôn, ông cho rằng vẫn còn tình cảm với bà A, hơn nữa hiện nay ông bà đã cao tuổi nên ông không muốn phá vỡ A phúc gia đình, để ảnh hưởng đến con cái và điều tiếng cho họ hàng. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn với bà A và mong bà A rút đơn quay về đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Tuy nhiên, việc bà A có đơn xin ly hôn ra Tòa án là quyền của bà, ông cũng không thể can thiệp. Trong trường hợp bà A vẫn muốn ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông xác nhận ông bà có hai con chung là: cháu Đỗ M, sinh ngày 03/10/1993 và cháu Đỗ Thịnh P, sinh ngày 29/11/2004. Cháu Đỗ M đã có gia đình riêng, có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề giao nuôi con và cấp dưỡng; cháu Đỗ Thịnh P hiện đang học lớp 11 và có nguyện vọng sống cùng ông. Trường hợp ông bà ly hôn cháu Đỗ Thịnh P sẽ do ông trực tiếp nuôi dưỡng, bà A cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện, nếu bà A không tự nguyện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) và vay nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung.

Về vay nợ chung: Ông xác nhận ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Ông bà kết hôn có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/4/1993 tại Ủy ban nhân dân phường E,

quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của bà A thấy: Ông bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 nguyên nhân do quan điểm sống khác biệt, tính tình không hợp, không hiểu nhau nên vợ chồng thường nảy sinh những bất đồng, và ông bà chính thức sống ly thân từ cuối năm 2020. Hiện nay, bà A và ông D không sống chung, không quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống vợ chồng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình A phúc, tốt đẹp đã không thể thực hiện được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A. Về con chung: Ông bà có hai con chung cháu lớn đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không xem xét. Cháu thứ hai Đỗ Thịnh P, sinh ngày 29/11/2004, cháu có nguyện vọng ở với ông D. Giao cháu P cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18) tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về cấp dưỡng nuôi con chung là 12.000.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà A là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Đỗ Đình D, ĐKHKT: B, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; hiện nay cư trú tại: C, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị A đối với ông Đỗ Đình D thấy:

Bà Trần Thị A đối với ông Đỗ Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/4/1993 tại Ủy ban nhân dân phường E, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Ông bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 và đến năm 2020 thì sống ly thân, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác biệt, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, nên thường nảy sinh những bất đồng, xung đột. Có lúc ông D và bà A không làm chủ hành vi, lời nói nên dẫn đến vợ chồng va chạm, khiến cho bà A luôn sống trong cảm giác lo sợ, bất an về tình

thần. Hiện nay, bà A và ông D không sống chung với nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình là: thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình A phúc tốt đẹp đã không thể thực hiện được. Như vậy, đủ cơ sở thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị A và ông Đỗ Đình D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A, giải quyết cho bà A được ly hôn ông D.

Về con chung: Bà A và ông D cùng xác nhận có hai con chung là: cháu Đỗ M, sinh ngày 03/10/1993 và cháu Đỗ Thịnh P, sinh ngày 29/11/2004. Cháu Đỗ M đã trưởng thành, lập gia đình riêng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xét; Cháu Đỗ Thịnh P hiện nay đang ở cùng ông D, cháu có nguyện vọng ở với bố, nên giao cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, bà A tự nguyện đóng góp nuôi con chung 12.000.000 đồng/01 tháng (Mười hai triệu đồng/ 01 tháng) kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Bà A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Bà A và ông D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về những vấn đề khác: Bà Trần Thị A và ông Đỗ Đình D không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Bà A là nguyên đơn, phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị A đối với ông Đỗ Đình D. Bà Trần Thị A được ly hôn ông Đỗ Đình D.

2. Về con chung: Bà Trần Thị A và ông Đỗ Đình D xác nhận có hai con chung là: cháu Đỗ M, sinh ngày 03/10/1993 và cháu Đỗ Thịnh P, sinh ngày 29/11/2004. Cháu Đỗ M đã trưởng thành, lập gia đình riêng, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xét; Giao cháu Đỗ Thịnh P cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà A tự nguyện đóng góp nuôi con chung 12.000.000 đồng/01 tháng (Mười hai triệu đồng/01 tháng) kể từ ngày 25/6/2021 cho đến khi cháu P trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Bà A được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Bà Trần Thị A và ông Đỗ Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Bà Trần Thị A và ông Đỗ Đình D không có yêu cầu gì khác.

5. Về án phí: Bà Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0006624 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, bà A còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bà A, ông D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- UBND phường E, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Hường

